

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		977,432,357,178	740,946,496,883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	122,154,635,038	212,146,243,133
1. Tiền	111		107,154,635,038	97,146,243,133
2. Các khoản tương đương tiền	112		15,000,000,000	115,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	251,480,069,073	291,457,840,093
1. Đầu tư ngắn hạn	121		251,667,217,648	296,518,665,960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(187,148,575)	(5,060,825,867)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		456,873,824,423	108,786,773,741
1. Phải thu của khách hàng	131		130,609,952,973	146,579,981,392
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	69,855,218,964	79,308,118,449
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	7	60,754,734,009	67,271,862,943
2. Trả trước cho người bán	132		2,591,260,675	1,379,731,256
4. Các khoản phải thu khác	136	8	364,353,877,663	1,407,535,642
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	9	(40,681,266,888)	(40,580,474,549)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,282,941,205	10,345,595,357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	10,923,492,405	9,407,640,509
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		9,848,341,731	8,692,614,003
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1,075,150,674	715,026,506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44,009,742	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15	315,439,058	937,954,848
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	11	135,640,887,439	118,210,044,559
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		67,167,735,508	69,978,903,204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		68,473,151,931	48,231,141,355
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127,902,450,630	240,841,347,151
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		7,680,329,528	7,179,875,928
4. Phải thu dài hạn khác	218		7,680,329,528	7,179,875,928
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6,000,000,000	6,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		1,680,329,528	1,179,875,928
II. Tài sản cố định	220		6,939,673,035	5,088,927,353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6,849,112,309	4,967,416,617
- Nguyên giá	222		20,731,240,767	17,958,638,951
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13,882,128,458)	(12,991,222,334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	90,560,726	121,510,736
- Nguyên giá	228		1,310,350,000	1,310,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,219,789,274)	(1,188,839,264)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	111,836,400,000	227,990,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		111,836,400,000	227,990,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,446,048,067	582,543,870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,446,048,067	582,543,870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,105,334,807,808	981,787,844,034

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

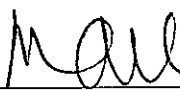
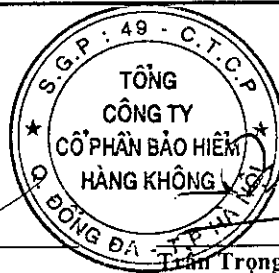
MÃ SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		592,855,366,892	465,943,377,723
I. Nợ ngắn hạn	310		591,619,561,138	463,717,296,947
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	90,000,000,000	-
2. Phải trả cho người bán	312		108,472,397,124	129,784,410,696
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	104,036,040,727	129,083,400,086
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		4,436,356,397	701,010,610
3. Người mua trả tiền trước	313		13,097,640,948	7,927,703,441
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7,708,582,090	5,226,920,470
5. Phải trả cho người lao động	315		10,609,656,635	7,450,715,975
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	12,101,123,852	21,408,397,165
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	6,541,602,344	5,861,510,364
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		816,979,806	715,883,635
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	342,271,578,339	285,341,755,201
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		185,291,984,656	163,563,162,570
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		124,182,996,349	90,347,042,346
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		32,796,597,334	31,431,550,285
II. Nợ dài hạn	330		1,235,805,754	2,226,080,776
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,234,805,754	2,225,080,776
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		512,479,440,916	515,844,466,311
Vốn chủ sở hữu	410	18	512,479,440,916	515,844,466,311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500,000,000,000	500,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,021,913,679	9,892,570,140
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,457,527,237	5,951,896,171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,105,334,807,808	981,787,844,034


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2015 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	69,197,745,277	48,991,863,581	119,906,318,668	90,123,262,993
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	11,782,713,706	11,868,348,702	21,353,928,551	23,775,267,443
4. Thu nhập khác	13	28,378,102	8,281,287	74,858,797	19,512,691
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	69,423,696,840	38,764,379,885	121,293,805,179	73,357,983,209
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	986,569,017	6,452,093,246	1,864,241,139	10,972,536,437
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7,853,195,687	8,269,318,121	14,960,581,850	14,919,885,560
9. Chi phí khác	24	7,169,587	277,059,544	7,091,282	277,353,715
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	2,738,205,954	7,105,642,774	3,209,386,566	14,390,284,206
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	518,856,055	1,552,724,767	622,515,790	3,155,345,882
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	2,219,349,899	5,552,918,007	2,586,870,776	11,234,938,324

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2015 (Phân loại lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	1	19	104,016,703,690	98,210,795,811	190,399,397,005	178,662,781,444
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		109,506,214,721	81,978,429,802	198,153,246,691	151,447,569,377
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		6,798,741,048	8,831,819,751	13,974,972,400	15,817,511,395
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		12,288,252,079	(7,400,546,258)	21,728,822,086	(11,397,700,672)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)	2	20	39,558,401,984	51,583,452,293	78,434,385,743	94,882,723,925
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		37,415,848,286	41,176,689,453	75,623,218,047	80,426,197,164
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		(2,142,553,698)	(10,406,762,840)	(2,811,167,696)	(14,456,526,761)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	3		64,458,301,706	46,627,343,518	111,965,011,262	83,780,057,519
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	4		4,739,443,571	2,364,520,063	7,941,307,406	6,343,205,474
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		4,180,506,726	2,353,100,689	7,366,150,535	6,329,089,078
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		558,936,845	11,419,374	575,156,871	14,116,396
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		69,197,745,277	48,991,863,581	119,906,318,668	90,123,262,993
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		18,138,640,967	20,173,806,866	36,851,876,685	31,989,392,279
- Tổng chi bồi thường	11.1		18,138,640,967	20,173,806,866	36,851,876,685	31,989,392,279
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		634,441,578	6,906,268,602	5,740,919,570	8,483,680,406
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận TBH	13		25,847,567,696	2,730,353,737	33,835,954,003	5,958,741,246
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		18,567,965,427	1,129,567,882	20,242,010,576	3,853,869,545
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)	15	21	24,783,801,658	14,868,324,119	44,704,900,542	25,610,583,574
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		788,888,133	421,720,189	1,365,047,049	793,773,401
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17	22	43,851,007,049	23,474,335,577	75,223,857,588	46,953,626,234
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		5,574,217,131	6,235,601,445	9,777,624,519	10,142,487,907
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		38,276,789,918	17,238,734,132	65,446,233,069	36,811,138,327
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		69,423,696,840	38,764,379,885	121,293,805,179	73,357,983,209
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		(225,951,563)	10,227,483,696	(1,387,486,511)	16,765,279,784

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2(Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2015 (Phân loại lại)
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	11,782,713,706	11,868,348,702	21,353,928,551	23,775,267,443
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	986,569,017	6,452,093,246	1,864,241,139	10,972,536,437
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		10,796,144,689	5,416,255,456	19,489,687,412	12,802,731,006
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7,853,195,687	8,269,318,121	14,960,581,850	14,919,885,560
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		2,716,997,439	7,374,421,031	3,141,619,051	14,648,125,230
23. Thu nhập khác	31		28,378,102	8,281,287	74,858,797	19,512,691
24. Chi phí khác	32		7,169,587	277,059,544	7,091,282	277,353,715
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		21,208,515	(268,778,257)	67,767,515	(257,841,024)
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,738,205,954	7,105,642,774	3,209,386,566	14,390,284,206
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	518,856,055	1,552,724,767	622,515,790	3,155,345,882
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2,219,349,899	5,552,918,007	2,586,870,776	11,234,938,324



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,47,48,49,50,51,52,53,54,55,56,57,58,59,60,61,62,63,64,65,66,67,68,69,70,71,72,73,74,75,76,77,78,79,80,81,82,83,84,85,86,87,88,89,90,91,92,93,94,95,96,97,98,99,100,101,102,103,104,105,106,107,108,109,110,111,112,113,114,115,116,117,118,119,120,121,122,123,124,125,126,127,128,129,130,131,132,133,134,135,136,137,138,139,140,141,142,143,144,145,146,147,148,149,150,151,152,153,154,155,156,157,158,159,160,161,162,163,164,165,166,167,168,169,170,171,172,173,174,175,176,177,178,179,180,181,182,183,184,185,186,187,188,189,190,191,192,193,194,195,196,197,198,199,200,201,202,203,204,205,206,207,208,209,210,211,212,213,214,215,216,217,218,219,220,221,222,223,224,225,226,227,228,229,230,231,232,233,234,235,236,237,238,239,240,241,242,243,244,245,246,247,248,249,250,251,252,253,254,255,256,257,258,259,260,261,262,263,264,265,266,267,268,269,270,271,272,273,274,275,276,277,278,279,280,281,282,283,284,285,286,287,288,289,290,291,292,293,294,295,296,297,298,299,300,301,302,303,304,305,306,307,308,309,310,311,312,313,314,315,316,317,318,319,320,321,322,323,324,325,326,327,328,329,330,331,332,333,334,335,336,337,338,339,340,341,342,343,344,345,346,347,348,349,350,351,352,353,354,355,356,357,358,359,360,361,362,363,364,365,366,367,368,369,370,371,372,373,374,375,376,377,378,379,380,381,382,383,384,385,386,387,388,389,390,391,392,393,394,395,396,397,398,399,400,401,402,403,404,405,406,407,408,409,410,411,412,413,414,415,416,417,418,419,420,421,422,423,424,425,426,427,428,429,430,431,432,433,434,435,436,437,438,439,440,441,442,443,444,445,446,447,448,449,450,451,452,453,454,455,456,457,458,459,460,461,462,463,464,465,466,467,468,469,470,471,472,473,474,475,476,477,478,479,480,481,482,483,484,485,486,487,488,489,490,491,492,493,494,495,496,497,498,499,500,501,502,503,504,505,506,507,508,509,510,511,512,513,514,515,516,517,518,519,520,521,522,523,524,525,526,527,528,529,530,531,532,533,534,535,536,537,538,539,540,541,542,543,544,545,546,547,548,549,550,551,552,553,554,555,556,557,558,559,560,561,562,563,564,565,566,567,568,569,570,571,572,573,574,575,576,577,578,579,580,581,582,583,584,585,586,587,588,589,590,591,592,593,594,595,596,597,598,599,600,601,602,603,604,605,606,607,608,609,610,611,612,613,614,615,616,617,618,619,620,621,622,623,624,625,626,627,628,629,630,631,632,633,634,635,636,637,638,639,640,641,642,643,644,645,646,647,648,649,650,651,652,653,654,655,656,657,658,659,660,661,662,663,664,665,666,667,668,669,670,671,672,673,674,675,676,677,678,679,680,681,682,683,684,685,686,687,688,689,690,691,692,693,694,695,696,697,698,699,700,701,702,703,704,705,706,707,708,709,710,711,712,713,714,715,716,717,718,719,720,721,722,723,724,725,726,727,728,729,730,731,732,733,734,735,736,737,738,739,740,741,742,743,744,745,746,747,748,749,750,751,752,753,754,755,756,757,758,759,760,761,762,763,764,765,766,767,768,769,770,771,772,773,774,775,776,777,778,779,780,781,782,783,784,785,786,787,788,789,790,791,792,793,794,795,796,797,798,799,800,801,802,803,804,805,806,807,808,809,810,811,812,813,814,815,816,817,818,819,820,821,822,823,824,825,826,827,828,829,830,831,832,833,834,835,836,837,838,839,840,841,842,843,844,845,846,847,848,849,850,851,852,853,854,855,856,857,858,859,860,861,862,863,864,865,866,867,868,869,870,871,872,873,874,875,876,877,878,879,880,881,882,883,884,885,886,887,888,889,890,891,892,893,894,895,896,897,898,899,900,901,902,903,904,905,906,907,908,909,910,911,912,913,914,915,916,917,918,919,920,921,922,923,924,925,926,927,928,929,930,931,932,933,934,935,936,937,938,939,940,941,942,943,944,945,946,947,948,949,950,951,952,953,954,955,956,957,958,959,960,961,962,963,964,965,966,967,968,969,970,971,972,973,974,975,976,977,978,979,980,981,982,983,984,985,986,987,988,989,990,991,992,993,994,995,996,997,998,999,1000,1001,1002,1003,1004,1005,1006,1007,1008,1009,1010,1011,1012,1013,1014,1015,1016,1017,1018,1019,1020,1021,1022,1023,1024,1025,1026,1027,1028,1029,1030,1031,1032,1033,1034,1035,1036,1037,1038,1039,1040,1041,1042,1043,1044,1045,

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 406 người

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và mười bảy (17) Công ty trực thuộc: Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng công ty và phần phải thu bồi nhả tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoa số lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu*****Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng công ty và được xác nhận bởi Tổng công ty.

Tổng công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối năm tài chính, Tổng công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng công ty và Tổng công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối năm tài chính, Tổng công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng năm nay để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1,503,745,892	813,983,122
Tiền gửi ngân hàng	103,150,889,146	96,332,260,011
Tiền đang chuyển	2,500,000,000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	15,000,000,000	115,000,000,000
	122,154,635,038	212,146,243,133

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	251,667,217,648	(187,148,575)	296,518,665,960	(5,060,825,867)
a) Chứng khoán kinh doanh	7,167,217,648	(187,148,575)	34,518,665,960	(5,060,825,867)
- Tổng giá trị cổ phiếu	7,167,217,648	(187,148,575)	34,518,665,960	(5,060,825,867)
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	244,500,000,000	-	262,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	244,500,000,000	-	262,000,000,000	-
Đầu tư dài hạn	111,836,400,000		227,990,000,000	
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	109,846,400,000	-	226,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	-	-	190,000,000,000	-
- Trái phiếu (iii)	36,000,000,000	-	36,000,000,000	-
- Các khoản đầu tư khác (v)	73,846,400,000	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tài chính.
- (iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Trái phiếu trị giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.
- (iv) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Tổng công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.
- (v) Thể hiện số tiền mua cổ phiếu OTC của Tổng công ty cổ phần cơ điện Thống Nhất với số lượng 1.571.200 cổ phiếu.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	46,169,233,791	43,783,748,704
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	16,707,786,139	14,120,199,858
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	29,461,447,652	29,663,548,846
+ Công ty bảo hiểm PVI	28,252,310,290	29,050,314,098
+ Công ty bảo hiểm khác	1,209,137,362	613,234,748
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	12,448,050,608	12,559,434,710
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	9,470,097,337	20,894,249,464
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo hiểm	1,161,400,860	1,473,338,932
e) Phải thu khác	606,436,368	597,346,639
	69,855,218,964	79,308,118,449

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	13,871,338,888	18,731,541,665
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	220,800,000	1,876,800,000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46,662,595,121	46,662,595,121
Phải thu khác	-	926,157
	60,754,734,009	67,271,862,943

(i) Thê hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Tổng công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Tổng công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 9).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng cho cán bộ	3,843,656,464	1,006,157,665
Cầm cố ký cược, ký quỹ ngắn hạn	360,011,500,000	53,000,000
Phải thu, phải trả khác	498,721,199	348,377,977
	364,353,877,663	1,407,535,642

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn	58,845,050,581	40,681,266,888	58,683,240,707	40,580,474,549
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	46,662,595,121	33,272,401,590	46,662,595,121	33,272,401,590
Các đối tượng khác	12,182,455,460	7,408,865,298	12,020,645,586	7,308,072,959

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Phí bảo hiểm gốc	251,584,792	253,378,026	548,244,769	3,035,948,380	4,089,155,967
Phải thu tái bảo hiểm	4,161,314,031	2,253,002,640	889,657,407	789,325,415	8,093,299,493
Phải thu phí nhượng TBH				-	-
Nợ khác				-	-
Cộng	4,412,898,823	2,506,380,666	1,437,902,176	3,825,273,795	12,182,455,460

Theo Thông tư 200, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, Tổng công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	6 tháng năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	8,692,614,003	10,084,462,832
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	5,402,250,858	8,693,718,912
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(4,246,523,130)	(10,085,567,741)
Số dư cuối kỳ	<u>9,848,341,731</u>	<u>8,692,614,003</u>
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		
	Số cuối quý	Số cuối năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,075,150,674	715,026,506
	<u>1,075,150,674</u>	<u>715,026,506</u>
	<u>10,923,492,405</u>	<u>9,407,640,509</u>

11. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	67,167,735,508	69,978,903,204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	68,473,151,931	48,231,141,355
	<u>135,640,887,439</u>	<u>118,210,044,559</u>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2016	7,785,453,232	10,173,185,719	17,958,638,951
Tăng trong kỳ	2,592,601,818	179,999,998	2,772,601,816
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	<u>10,378,055,050</u>	<u>10,353,185,717</u>	<u>20,731,240,767</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2016	4,275,874,375	8,715,347,959	12,991,222,334
Khấu hao trong kỳ	570,564,039	320,342,085	890,906,124
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	<u>4,846,438,414</u>	<u>9,035,690,044</u>	<u>13,882,128,458</u>
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2016	3,509,578,857	1,457,837,760	4,967,416,617
Số dư tại ngày 30/06/2016	<u>5,531,616,636</u>	<u>1,317,495,673</u>	<u>6,849,112,309</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1,310,350,000	1,310,350,000
Tăng trong kỳ	-	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0
Số dư tại ngày 30/06/2016	1,310,350,000	1,310,350,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1,188,839,264	1,188,839,264
Tăng trong kỳ	30,950,010	30,950,010
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 30/06/2016	1,219,789,274	1,219,789,274
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2015	1,085,000,000	121,510,736
Số dư tại ngày 30/06/2016	90,560,726	90,560,726

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	85,443,915,267	93,626,466,127
<i>Công ty Willis Singapore</i>	<i>35,386,241,876</i>	<i>38,459,444,987</i>
<i>Công ty Willis London</i>	<i>33,317,363,099</i>	<i>38,710,706,146</i>
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	<i>16,740,310,292</i>	<i>16,456,314,994</i>
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	3,514,003,117	4,809,925,988
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	9,922,133,492	26,007,942,265
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	<i>1,156,047,485</i>	<i>16,479,512,561</i>
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	<i>3,432,736,115</i>	<i>3,839,394,133</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>5,333,349,892</i>	<i>5,689,035,571</i>
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	1,507,875,718	1,553,063,443
e) Phải trả khác	3,648,113,133	3,086,002,263
	104,036,040,727	129,083,400,086

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a. Số phải thu	315,439,058	937,954,848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	315,439,058	937,954,848
b. Số phải trả	7,708,582,090	5,226,920,470
Thuế giá trị gia tăng	5,711,087,991	3,180,596,261
Thuế thu nhập cá nhân	125,532,605	198,103,505
Thuế khác	4,532,601	928,455
Thuế, phí phải nộp khác	1,867,428,893	1,847,292,249

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	6 tháng năm 2016 VND	Năm 2015 VND
(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	5,861,510,364	9,722,136,820
Số dư đầu kỳ		
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	3,549,488,381	5,861,510,364
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(2,869,435,891)	(9,722,136,820)
Số dư cuối kỳ	<u>6,541,562,854</u>	<u>5,861,510,364</u>
(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả Bảo hiểm xã hội	131,682,735	3,155,778
Phải trả Bảo hiểm y tế	24,440,151	2,213,798
Phải trả kinh phí Công đoàn	290,266,387	268,481,365
Phải trả cho các cổ đông	10,214,413,900	20,714,413,900
Phải trả khác	1,440,320,679	420,132,324
	<u>12,101,123,852</u>	<u>21,408,397,165</u>
	<u>18,642,686,706</u>	<u>27,269,907,529</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

	30/06/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường	124,182,996,349	68,473,151,931	55,709,844,418
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	112,754,622,815	64,253,582,708	48,501,040,107
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	11,428,373,534	4,219,569,223	7,208,804,311
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	185,291,984,656	67,167,735,508	118,124,249,148
Cộng	309,474,981,005	135,640,887,439	173,834,093,566

Trong đó chi tiết:

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường			
Số dư tại ngày 01/01/2016	90,347,042,346	48,231,141,355	42,115,900,991
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	33,835,954,003	20,242,010,576	13,593,943,427
Số dư tại ngày 31/03/2016	124,182,996,349	68,473,151,931	55,709,844,418

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
2. Dự phòng phí chưa được hưởng			
Số dư tại ngày 01/01/2015	163,563,162,570	69,978,903,204	93,584,259,366
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	21,728,822,086	(2,811,167,696)	24,539,989,782
Số dư tại ngày 31/03/2016	185,291,984,656	67,167,735,508	118,124,249,148

3. Dự phòng dao động lớn

	6 tháng năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ	31,431,550,285	29,607,597,710
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	1,365,047,049	1,823,952,575
Số sử dụng trong năm	-	-
Số dư cuối kỳ	32,796,597,334	31,431,550,285

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	500,000,000,000	9,579,312,447	27,121,508,493	536,700,820,940
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(25,000,000,000)	(25,000,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			(250,000,000)	(250,000,000)
Lợi nhuận năm 2015			6,265,153,864	6,265,153,864
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)		313,257,693	(313,257,693)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(1,871,508,493)	(1,871,508,493)
Số dư tại 31/12/2015	500,000,000,000	9,892,570,140	5,951,896,171	515,844,466,311
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,500,000,000)	(5,500,000,000)
Lợi nhuận năm 2016			2,586,870,776	2,586,870,776
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)		129,343,539	(129,343,539)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(451,896,171)	(451,896,171)
Số dư tại 31/03/2016	500,000,000,000	10,021,913,679	2,457,527,237	512,479,440,916

(ii) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	198,182,743,876	151,558,058,508
Bảo hiểm hàng không	49,129,566,535	57,328,745,261
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	4,736,819,475	3,079,728,245
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	11,039,074,500	7,270,781,418
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	9,000,684,603	6,241,260,842
Bảo hiểm xe cơ giới	111,463,717,485	67,847,989,177
Bảo hiểm cháy, nổ	8,333,152,594	5,919,067,607
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,478,051,605	1,241,504,865
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,976,287,800	2,610,186,378
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	25,389,279	18,794,715
Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc	(29,497,185)	(110,489,131)
Phí nhận tái bảo hiểm	14,125,749,926	15,822,725,689
Bảo hiểm hàng không	19,408,713	4,443,912,260
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1,226,876,036	0
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7,909,294,102	7,178,460,337
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	169,642,561	108,419,757
Bảo hiểm cháy, nổ	3,306,001,343	2,703,967,753
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,400,929,187	1,356,922,724
Bảo hiểm trách nhiệm chung	63,125,268	23,546,007
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	30,472,716	7,496,851
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(150,777,526)	(5,214,294)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(21,728,822,086)	11,397,700,672
Cộng	190,399,397,005	178,662,781,444

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	75,623,218,047	80,426,197,164
Bảo hiểm hàng không	47,434,891,745	59,760,770,596
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	54,536,105	209,573,136
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10,608,803,645	6,701,600,232
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5,241,850,505	3,603,137,935
Bảo hiểm xe cơ giới	1,564,735,030	830,707,761
Bảo hiểm cháy, nổ	8,696,386,054	7,217,594,620
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,115,739,187	1,074,755,299
Bảo hiểm trách nhiệm chung	867,060,664	1,004,868,382
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	39,215,112	23,189,203
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2,811,167,696	14,456,526,761
Cộng	78,434,385,743	94,882,723,925

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi bồi thường	36,851,876,685	31,989,392,279
Bảo hiểm hàng không	1,421,066,649	6,052,999,138
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2,114,225,406	1,431,112,203
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3,955,668,561	3,125,588,255
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	460,034,725	1,890,933,566
Bảo hiểm xe cơ giới	24,328,651,137	18,053,520,658
Bảo hiểm cháy, nổ	3,241,651,116	303,881,069
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,282,432,728	724,710,736
Bảo hiểm trách nhiệm chung	48,146,363	392,057,952
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	14,588,702
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(5,740,919,570)	(8,483,680,406)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	33,835,954,003	5,958,741,246
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(20,242,010,576)	(3,853,869,545)
Cộng	44,704,900,542	25,610,583,574

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND (Phân loại lại)
Chi hoa hồng bảo hiểm	9,777,624,519	10,142,487,907
Chi đòi người thứ 3	105,280,981	34,322,132
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	11,359,428	29,386,363
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	86,288,561	50,691,435
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	33,263,303,909	21,433,560,889
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	31,026,670,056	14,721,649,794
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	809,132,337	405,547,583
Chi phí khác	144,197,797	135,980,131
Cộng	75,223,857,588	46,953,626,234

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11,123,396,891	20,261,409,347
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	9,470,853,405	2,555,660,138
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>2,316,339,796</i>	<i>2,316,339,796</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>7,154,513,609</i>	<i>239,320,342</i>
Cổ tức được chia	576,561,931	693,468,600
Lãi chênh lệch tỷ giá	183,116,324	264,729,358
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>183,116,324</i>	<i>264,729,358</i>
	21,353,928,551	23,775,267,443

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	206,292,920	594,122,576
Chi phí kinh doanh chứng khoán	6,109,775,511	6,186,051,821
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(4,873,677,292)	3,086,451,841
Chi phí lãi vay	421,850,000	
Chi phí hoạt động tài chính khác	0	1,105,910,199
	1,864,241,139	10,972,536,437

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8,944,258,738	8,353,203,043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,200,971,623	3,945,245,492
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	100,792,339	646,061,208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	435,179,115	998,715,179
Chi phí dụng cụ văn phòng	122,819,712	71,193,821
Chi phí vật liệu quản lý	535,798,560	143,014,694
Thuế, phí và lệ phí	248,151,413	167,001,857
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	246,440,865	543,629,084
Chi phí quản lý khác	126,169,485	51,821,182
	14,960,581,850	14,919,885,560

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	3,209,386,566	14,390,284,206
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(576,561,931)	(693,468,600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	196,792,592	645,665,678
Thu nhập chịu thuế	2,829,617,227	14,342,481,284
Thuế suất thông thường	22%	22%

27. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
I. Biên khả năng thanh toán (I = (1) - (2) - (3))	375,980,109,752	450,788,366,648
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	512,479,440,916	515,844,466,311
2. Tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	30,034,761,120	24,863,701,102
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	106,464,570,044	40,192,398,561
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu (Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b))	59,880,730,393	47,464,201,034
(a). 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại	59,880,730,393	47,464,201,034
(b). 12,5% tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	47,298,530,353	41,690,638,063
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	316,099,379,359	403,324,165,613
Theo tỷ lệ phần trăm	628%	950%

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này do Tổng công ty phân loại lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	81,549,816,672	(34,596,190,438)	46,953,626,234
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	35,642,612,249	1,168,526,078	36,811,138,327
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16,328,410,650	(1,408,525,090)	14,919,885,560
3. Chi phí khác	32	37,354,703	273,999,012	277,353,715

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc